TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2021/HS-ST
Ngày 15/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Hoàng Ân**

2/ Ông **Đặng Hữu Tâm**

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021 về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

01/ **Danh H** (N), sinh năm 1999 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh K, sinh năm 1966 và bà Thị Kịt; sinh năm 1971; Vợ tên Mai Hồng N1, sinh năm 2002 và có 01 người con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên: Vào ngày 19/4/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù, về tội "Cố ý gây thương tích" tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2016/HS-ST ngày 19/4/2016. Do tại thời điểm phạm tội bị cáo H vẫn chưa thành niên nên được xem là không có án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2020, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

02/ **Trần Xuân H1** (Đ), sinh năm 1986 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Số 90/44 đường T, KP. 2, P. R, TP. R, tỉnh K; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần N (chết) và bà Lê Thị L; sinh năm 1952; Vợ tên Đoàn Thị Yến N, sinh năm 1991 và có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

03/ **Danh Đ**, sinh ngày 30/12/2001 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh Phương, sinh năm 1969 và mẹ (không xác định được); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2020, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

04/ **Phạm Văn G**, sinh ngày 01/01/1998 tại Cà Mau; Nơi cư trú: ấp 9, xã T, huyện T, tỉnh C; Trình độ văn hóa: 2/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn D (chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/9/2020 (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

05/ **Danh L** (K), sinh ngày 01/6/2001 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh K; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh L, sinh năm 1975 và bà Phan Thị H, sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/9/2020, (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Chị **Tiêu Ý L1** (Tr), sinh năm 1995 (có mặt)

Trú tại: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh K

Người làm chứng: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: ấp V, xã H, huyện U, tỉnh K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3 năm 2020, Danh H quen biết với Tiêu Ý L1 (Tr), sinh năm 1995, cư trú: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh K và biết L1 là tiếp bia phục vụ quán nhậu nên H kêu L1 về làm cho H, H sẽ cho L1 mượn số tiền 7.000.000 đồng để trả nợ thì L1 đồng ý. Công việc của L1 là tiếp bia cho khách tại các quán nhậu: "Quán 99" và quán "Hương Lan" trên địa bàn huyện Châu Thành. Đến khoảng tháng 7 năm 2020 thì L1 bỏ trốn không làm cho H nữa.

Sau khi L1 bỏ trốn, H sử dụng tài khoản Zalo nhắn tin với L1 thì biết được L1 đang ở huyện Giồng Riềng. Ngày 31/8/2020, Danh H rủ Danh Đ, và Trần Xuân H1 (Đen) đi xuống huyện Giồng Riềng để bắt L1 về để buộc L1 trả nợ cho H thì tất cả đồng ý. Sau đó H rủ thêm Phương Hữu N và một người tên Châu N1 (không rõ họ tên và địa chỉ) đi theo chơi (H không nói cho N và N1 là đi bắt L1). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, nhóm của H đi xe mô tô xuống Bến Nhứt thuộc huyện Giồng Riềng. Tại đây, H thuê anh Lê Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 65B-011.82 của anh T để chở H, H1, N và Châu N1 đi xuống chợ Giồng Riềng nhưng H không nói với anh T là đi để bắt L1. Riêng Đ thì điều kiển xe mô tô (không rõ biển số) cH1y một mình đến chợ Giồng Riềng. Trên đường nhóm của H hoàn toàn không nói gì mục đích đi bắt L1 cho N, Châu N1 và T nghe. Đến chợ Giồng Riềng, H đưa điện thoại cho Đ để Đ nhắn tin qua mạng xã hội Zalo hẹn gặp L1 thì L1 đồng ý gặp. Đến khoảng 01 giờ ngày 01/9/2020 Đ đến đoạn đường nằm giữa thị trấn Giồng Riềng đi xã N1 Chúc thì dừng lại rồi nhắn tin kêu L1 đến. H, H1 ngồi trong xe ô tô 16 chỗ đậu cách Đ 30 mét. Khoảng 30 phút sau, L1 điều khiển xe mô tô loại Exciter màu trắng, đỏ (không xác định biển số, xe do L1 mượn của một người tên An không xác định N thân lại lịch) cH1y đến. Khi thấy L1, Đ cH1y đến, chụp chìa khóa xe của L1, tắt máy và rút chìa khóa ra, nắm tay L1 giữ lại, H và H1 từ trên xe bước xuống và kéo L1 lên xe 16 chỗ. Anh T ngồi ở ghế tài xế chứng kiến sự việc xảy ra nhưng nghiệpĩ là H ghé rước bạn nên không nghiệpi ngờ gì. N thì không tham gia vào việc bắt L1.

Sau khi bắt được L1, H kêu H1 dùng xe Exciter màu trắng, đỏ mà L1 cH1y đến để chở L1 về khu vực xã Bình An, huyện Châu Thành rồi H điện thoại cho An xuống xã Bình An để trả xe. H giao L1 cho Phạm Văn G và Danh L canh giữ không cho L1 bỏ trốn. G và L thay nhau canh giữ L1 tại nhà trọ của G đang ở thuộc ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Thời gian ở đây L1 không bị nhốt riêng mà vẫn sinh hoạt ăn uống chung với G, L và một người khác tên Vi Văn Cả là ngư phủ đi ghe ở cùng với G. Đến khoảng 16 giờ, ngày 07/9/2020 trong lúc L đi về quê ở xã Bàn TH1ch, huyện Giồng Riềng thì bị lực lượng Công an huyện Châu Thành đã tiến hành kiểm tra và bắt quả tang G đang có hành vi giữ người trái pháp luật. Sau đó, Cơ quan điều tra tiến hành mời H, H1, Đ, G và L về làm việc. Tại đây tất cả đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo L, G phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệpiêm trọng.

Về vật chứng trong vụ án:

- Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tiến hành thu giữ và nhập kho vật chứng gồm 01 ổ khóa màu vàng, có chữ Việt-Tiệp và 03 chìa khóa có chữ Việt-Tiệp, đây là công cụ phạm tội cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại không rõ nhãn hiệu mà H đưa cho Đ để nhắn tin với L1, theo lời khai của H đã làm rơi mất trên đường đưa L1 từ huyện Giồng Riềng về xã Bình An, huyện Châu Thành nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể thu giữ được.

- Đối với chiếc xe mô tô không rõ biển số mà H1 dùng để chở L1 về xã Bình An. Quá trình điều tra đã chứng minh chiếc xe trên là của bạn L1 tên An không rõ N thân lai lịch. Chiếc xe trên theo lời khai của L1 và H thì An đã nhận lại. Vì vậy cơ quan điều tra không thể thu giữ chiếc xe trên.

Đối với chiếc xe mô tô không rõ biển số mà Đ dùng để điều khiển đi gặp L1. Quá trình điều tra Đ khai chiếc xe trên là của bạn Đ tên N1 không rõ N thân lai lịch. Sau khi sự việc xảy ra, Đ đã trả xe cho N1. Vì vậy cơ quan điều tra không thể thu giữ chiếc xe trên.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, người bị hại chị Tiêu Ý L1 yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần là 27.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường.

Đối với Phương Hữu N, Lê Văn T và một đối tượng tên Châu N1. Quá trình điều tra đã chứng minh những người này không có tham gia vào việc bắt L1. H cũng thừa nhận không có rủ rê và bàn bạc việc bắt L1 với những người này. Vì vậy Cơ quan điều tra không khởi tố đối với N, T và N1 về hành vi đồng phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-CT ngày 04/3/2021 của Viện kiểm sát N dân Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh H về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo Trần Xuân H1 và Danh Đ về tội: "Bắt người trái pháp luật" theo điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự và truy tố các bị cáo Phạm Văn G và Danh L về tội: "Giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Danh H phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật"; truy tố các bị cáo Trần Xuân H1 và Danh Đ phạm tội: "Bắt người trái pháp luật" và truy tố các bị cáo Phạm Văn G và Danh L phạm tội: "Giữ người trái pháp luật".

Và đề nghiệpị Hội đồng xét xử:

01/ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh H** từ 12 đến 18 tháng tù.

02/ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Xuân H1** từ đến 09 đến 12 tháng tù.

03/ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh Đ** từ 09 đến 12 tháng tù.

04/ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn G** 07 tháng 08 ngày tù thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (từ ngày 07/9/2020 cho đến 15/04/2021).

05/ Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo **Danh L** 07 tháng 04 ngày tù thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam (từ ngày 11/9/2020 cho đến 15/04/2021).

Đề nghiệpị trả tự do cho các bị cáo G và L tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự đề nghiệpị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Tiêu Ý L1 số tiền 27.000.000 đồng, hiện các bị cáo đã nộp xong số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về biện pháp tư pháp đề nghiệpị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa màu vàng, có chữ Việt-Tiệp và 03 chìa khóa có chữ Việt-Tiệp.

Các bị cáo và người bị hại không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng tháng 3/2020 Danh H có quen và biết được chị Tiêu Ý L1 đang thiếu nợ người khác nên H đưa cho chị L1 mượn 7.000.000 đồng để trả nợ với điều kiện chị L1 phải làm tiếp viên bia cho khách để trừ tiền thì chị L1 đồng ý. Sau đó một thời gian chị L1 bỏ trốn nên H bàn bạc với Danh Đ và Trần Xuân H1 đi bắt chị L1 và yêu cầu chị L1 trả nợ thì cả hai đồng ý và điều khiển xe môtô đi xuống huyện Giồng Riềng. Khi đến nơi H thuê xe ôtô đi xuống chợ Giồng Riềng, đồng thời đưa điện thoại để Đ nhắn tin dụ chị L1 ra gặp mặt. Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 01/9/2020 khi chị L1 điều khiển xe đến gần xã N1 Chúc thì Đ chạy lại rút chìa khóa xe chị L1 còn H và H1 xuống xe đi lại kéo chị L1 lên xe và đưa về xã Bình An. Tại đây, H giao chị L1 cho Phạm Văn G và Danh L canh giữ tại nhà trọ của G thuê ở ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Đến khoảng 16 giờ, ngày 07/9/2020 lực lượng Công an huyện Châu Thành tiến hành kiểm tra nhà trọ thì phát hiện và bắt quả tang hành vi phạm tội của các bị cáo.

Căn cứ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật hình sự thì:

*"*1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

Đối chiếu với quy định nêu trên thì hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự, hành vi của H1 và Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt người trái pháp luật" được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự và hành vi của G và L đã đủ yếu tố cấu thành tội " Giữ người trái pháp luật" được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự như đã viện dẫn nêu trên.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây tâm lý bất an, lo sợ cho người dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

Xét hành vi phạm tội của từng bị cáo HĐXX nhận định như sau:

- Đối với bị cáo H là người có đầy đủ năng lực, nhận thức được việc bắt, giữ người là hành vi sai trái và vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì chị L1 còn nợ bị cáo một số tiền chưa trả, bị cáo liền rủ rê lôi kéo bị cáo Đ và H1 cùng lập ra kế hoạch đi bắt chị L1 đem về rồi giao cho G và L canh giữ không cho chị L1 được tự do đi lại nhằm buộc chị L1 đi làm trả tiền cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây tổn H1i trực tiếp đến sức khỏe cũng như tinh thần của chị L1, làm cho chị L1 tâm trạng luôn bất an. Trong vụ án này cho thấy, bị cáo với vai trò là người chủ mưu, cầm đầu nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiệpiêm và cao hơn các bị cáo còn lại mới là thỏa đáng.

- Còn đối với các bị cáo H1, Đ, G và L là người trưởng thành nên nhận thức rỏ việc H ngọ ý yêu cầu các bị cáo tiếp tay đi bắt, giữ chị L1 là hành vi sai trái và vi phạm pháp luật. Thế nhưng khi được H khởi sướng các bị cáo liền đồng ý và làm theo yêu cầu của H mà không nghiệpỉ gì đến hậu quả gây ra. Chính sự giúp sức, tiếp tay của các bị cáo đã tạo điều kiện thuận lợi để H thực hiện hành vi phạm tội được thành công chót lọt nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. HĐXX nghị án nhận định cần có mức án tương xứng để răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa các bị cáo H, H1 và Đ luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân các bị cáo tốt không có tiền án, tiền

sự, sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục hậu quả cho bị hại và tại phiên tòa người bị hại xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên HĐXX sẽ áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét cho các bị cáo khi lượng hình. Còn đối với bị cáo G và L là người có N thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã tích cực khắc phục xong hậu quả cho bị hại, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và cần thiết áp dụng thêm khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự cho hai bị cáo là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX nghị án thảo luận nhận thấy cần xử phạt các bị cáo mức án vừa cũng đủ tính răn đe, giáo dục, đồng thời cũng nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[6] Xét đề nghiệpị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại chị Tiêu Ý L1 yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần cho chị L1 với số tiền là 27.000.000 đồng, ngoài ra chị L1 không yêu cầu bồi thường bất cứ khoản tiền nào thêm, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị L1 và đã khắc phục xong số tiền trên tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 ổ khóa màu vàng, có chữ Việt-Tiệp và 03 chìa khóa có chữ Việt-Tiệp đây là vật chứng thu giữ trong vụ án đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Về án phí: Xử buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh H phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật".

01/ Xử phạt bị cáo **Danh H 01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 07/9/2020.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 157; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân H1 và Danh Đ phạm tội: "Bắt người trái pháp luật".

02/ Xử phạt bị cáo **Trần Xuân H1 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 07/9/2020.

03/ Xử phạt bị cáo **Danh Đ 09** (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 21/12/2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn G và Danh L phạm tội: "Giữ người trái pháp luật".

04/ Xử phạt bị cáo **Phạm Văn G 07** (bảy) tháng **08** (tám) ngày tù, thời Hạn tù bằng thời Hạn tạm giam (từ ngày 07/9/2020 cho đến ngày 15/4/2021).

05/ Xử phạt bị cáo **Danh L 07** (bảy) tháng **04** (bốn) ngày tù, thời Hạn tù bằng thời Hạn tạm giam (từ ngày 11/9/2020 cho đến ngày 15/4/2021).

Tuyên bố trả tự do cho các bị cáo Phạm Văn G và Danh L tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự xử, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận là các bị cáo Danh H, Trần Xuân H1, Danh Đ, Phạm Văn G và Danh L sẽ liên đới bồi thường cho chị Tiêu Ý L1 số tiền 27.000.000 đồng, các bị cáo được khấu trừ toàn bộ số tiền trên theo các biên lai thu tiền số: 06867 ngày 11/3/2021 và số 06871 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 01 ổ khóa màu vàng, có chữ Việt-Tiệp và 03 chìa khóa có chữ Việt-Tiệp.

Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 12/QĐ-VKSCT ngày 04/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghiệpị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc các bị cáo Danh H, Trần Xuân H1, Danh Đ, Phạm Văn G và Danh L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các bị cáo và người bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong